|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Use Case Number:** | UC10 | | |
| **Use Case Name:** | Quản lí hệ thống | | |
| **Actor (s):** | Nhân viên , Quản lí | | |
| **Maturity:** | Focused | | |
| **Summary:** | Tất cả người dùng sẽ đăng nhập vào Hệ thống. Chọn vào loại tài khoản ví dụ như Là nhân viên hay quản lí | | |
| **Basic Course of Events:** | **Actor Action** | **System Response** | |
| 1. Actor nhập username và mật khẩu vào . |  | |
|  | 2. Hệ thống sẽ lấy username và password từ cơ sở dữ liệu để kiểm tra và bắt đầu chức năng. **A1 , A2**  **E1, E2** | |
|  | 3. Hệ thống đưa ra các chức năng người dùng có thể sử dụng dựa theo loại người dùng.  Nhân viên sẽ có thể thực hiện các chức năng sau:  + Quản lí đặt hàng  + Quản lí kho  + Quản lí khách hàng  + Quản lí hóa đơn  + Quản lí danh mục  Các chức năng của Quản lí :  + Chấm công  + Quản lí nhân viên  + Quản lí hệ thống  + Quản lí danh mục  + Báo cáo | |
|  | 4. Hệ thống sẽ trả về màn hình giao diện chính cho ngừơi dùng. | |
| **Alternative Paths:** | **A1.**  1. Đăng nhập vào hệ thống.  4. Quản lí chọn vào đăng kí tài khoản.  5. Quản lí nhập thông tin cho tài khoản cần tạo.  **A2.**  1. Người dùng chọn vào mục thông tin cá nhân.  3. Người dùng nhập thông tin cần chỉnh sửa sau đó bấm nút lưu. | | 2. Hệ thống sẽ kiểm tra thông tin của tài khoản và loại nhân viên.  3. Hệ thống hiển thị giao diện chính cho người dùng.  6. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập vào, lưu vào cơ sở dữ liệu và thông báo lại cho người dùng đăng kí tài khoản thành công.  2. Hệ thống hiển thị thông tin cá nhân cho người dùng.  4. Hệ thống kiểm tra và lưu vào cơ sở dữ liệu.  5. Hệ thống hiển thị thông báo cho người dùng và trở về giao diện chính. |
| **Exception Paths:** | **E1.** Nếu hệ thống không thể tìm thông tin về username trong cơ sở dữ liệu , Hệ thống sẽ thông báo lại cho người dùng không tìm thấy thông tin và trở lại màn hình đăng nhập. Về vấn đề kiểm tra username , Không bị giới hạn về số lần trong việc cố gắn đăng nhập vào hệ thống.  **E2.** Nếu hệ thống tìm thấy được username trong cơ sở dữ liệu nhưng người dùng nhập mật khẩu không trùng khớp với mật khẩu trong cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo mật khẩu không đúng và trả lại màn hình đăng nhập. và không bị giới hạn số lần đăng nhập sai.  **E3**. Chỉ có loại tài khoản là quản lí thì sau khi đăng nhập vào có thể tạo tài khoản cho nhân viên. | | |
| **Extension Points:** | Không có | | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn đăng nhập | | |
| **Assumptions:** | Tài khoản người dùng có trong cơ sở dữ liệu. | | |
| **Preconditions:** | Nếu người đang bật hệ thống nhưng không có thao tác với hệ thống trong thời gian nhất định thì hệ thống sẽ chuyển sang giao diện đăng nhập hoặc chờ. | | |
| **Post Conditions:** | Người dùng có các hành động.  Người dùng đang ở giao diện chính.  Người dùng có những tính năng phù hợp. | | |
| **Reference: Business Rules** | None | | |
| **Author(s):** | Phạm Huy | | |
| **Date:** | 24/11/2020 | | |
|  |  | | |

Diagram

Description automatically generated

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case Number:** | **UC9** | |
| **Use Case Name:** | Quản lí Khách hàng | |
| **Actors:** | Quản lí , Nhân Viên | |
| **Maturity:** | Focused | |
| **Summary:** | - Tạo tài khoản cho khách hàng  - Tìm kiếm, xem thông tin tài khoản.  - Cập nhật thông tin hồ sơ của khách hàng. | |
| **Basic Course of Events:** | Actor action  1. Đăng nhập vào hệ thống.  3. Chức năng sẽ bắt đầu khi người dùng chọn vào mục quản lí khách hàng.  5.Nhấn vào hồ sơ cần xem thông tin**.** | System response  2. Hệ thống hiển thị giao diện chính để người dùng chọn chức năng.  4. Hệ thống sẽ hiện thị danh sách các hồ sơ của khách hàng đã từng mua hàng.  6. Hệ thống hiển thị form để chọn chức năng thao tác. **A1 A2** , **A3.**  7. Hiển thị lại thông báo cho hệ thống. |
| **Alternative Paths:** | Actor action  **A1.**  1. Nhân viên bấm nút “+khách hàng”  3. Nhân viên sẽ nhập thông tin tài khoản của khách hàng cần đăng kí vào form đăng kí tài khoản.  5. Nhân viên sẽ chọn nút lưu. **E2** | System response  2. Hệ thống hiển thị form tạo tài khoản  4. Hệ thống sẽ kiểm tra thông tin tài khoản có bị trùng với các thông tin của tài khoản khác **E1.**  6. Hệ thống sẽ quay lại bước 4 của **Basic Course of Events** vàlưu vào cơ sở dữ liệu. |
|  | **A2**.  1. Nhân viên chọn vào hồ sơ khách hàng cần cập nhật sau đó nhấn nút cập nhật.  3. Nhân viên điền các thông tin cần thay đổi.  4. Nhân viên chọn nút lưu. **E2**  **A3.**  1.Người dùng chọn vào nút “Xoá”  3. Người dùng nhấn nút xác nhận. | 2. Hệ thống hiển thị form thông tin khách hàng.  5. Hệ thống lưu các thay đổi trong cơ sở dữ liệu.  2. Hiển thị form để xác nhận việc xoá hồ sơ khách hàng.  4. Hiện thị thông báo xoá thành công. |
| **Exception Paths:** | **E1**. Nếu hệ thống kiểm tra thông tin bị trùng thông tin tài khoản trước đó, trả về bước 1 của **A1** .  **E2.** Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận những thay đổi cho người dùng nếu người dùng chọn không thì hệ thống sẽ trả về màn hình danh sách hồ sơ khách hàng. | |
| **Extension Points:** | Không có | |
| **Triggers**: | Nhân viên muốn tạo tài khoản hoặc Cập nhật thông tin hồ sơ khách hàng | |
| **Assumption:** | Thông tin tài khoản của khách hàng đã được lưu trong cơ sở dữ liệu | |
| **Preconditions:** | Actor phải đủ quyền sử dụng chức năng | |
| **Post Conditions:** | Hệ thống sẽ lưu lại các thông tin tài khoản vào cơ sở dữ liệu. | |
| **Reference: Business Rules** | None | |
| **Reference: Risks** | None | |
| **Author(s):** | Phạm Huy | |
| **Date:** | 24/11/2020 | |

Diagram

Description automatically generated